

Số: **24** /2023/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày **07** tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 191/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 262/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.





**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 3 điểm a khoản 1 Điều 3 như sau:

“- Hỗ trợ theo mức khoản 110 triệu đồng/lao động/năm để chi tiền công, các khoản đóng góp và hỗ trợ chi hoạt động cho lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Riêng đối với các cơ quan thuộc khối đảng, đoàn thể chính trị - xã hội, hỗ trợ theo mức khoản 130 triệu đồng/lao động/năm để chi tiền công, các khoản đóng góp và hỗ trợ chi hoạt động cho lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.”

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 3 cụ thể như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung đầu tại khoản 2 Điều 3 như sau:

“Định mức phân bổ chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập là cơ sở để xác định mức kinh phí giao thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực: Giáo dục đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; y tế - dân số; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác; thực hiện hỗ trợ theo mức khoản 110 triệu đồng/lao động/năm cho lao động hợp đồng đối với một số loại công việc theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, cụ thể:”

b) Sửa đổi gạch đầu dòng thứ hai điểm a khoản 2 Điều 3 như sau:

“- Trường trung học phổ thông Dân tộc nội trú: 3 triệu đồng/ học sinh/năm; Trường Trung học phổ thông chuyên: 2,3 triệu đồng/học sinh/năm; các trường trung học phổ thông đóng trên địa bàn các xã khu vực III và các trường trung học phổ thông đóng trên địa bàn có hệ số 0,5 trở lên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐT BXH-BTC-UBDT ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực: 1,4 triệu đồng/học sinh/năm.”

3. Sửa đổi, bổ sung nội dung đầu Điều 4 như sau:



“Định mức phân bổ dự toán chi ngân sách các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn năm 2022 theo tiêu chí dân số, định mức bình quân và các tiêu chí phụ để xác định tổng chi thường xuyên của địa phương. Căn cứ tình hình thực tế (số lượng thôn, buôn, tổ dân phố, dân số, diện tích,... từng địa bàn), UBND huyện, thị xã, thành phố xây dựng phương án và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ dự toán chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường, thị trấn để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; trong đó chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học công nghệ không thấp hơn dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao”.

4. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ ba điểm c khoản 1 Điều 4 như sau:

“- Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ;”

5. Sửa đổi dấu cộng thứ năm thuộc gạch đầu dòng thứ tư điểm a khoản 3 Điều 4 như sau:

+ Hỗ trợ kinh phí phát động quần chúng tại cơ sở ở cấp huyện, số tiền 350 triệu đồng/năm; kinh phí thực hiện chế độ nhuận bút, báo cáo,... theo Quyết định số 06-QĐ/TU ngày 03 tháng 01 năm 2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số tiền 500 triệu đồng/huyện/năm; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao cho các Hội có tính chất đặc thù (theo Nghị quyết số 57/2012/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk), số tiền 70 triệu đồng/Hội/năm; kinh phí thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương về chế độ hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở, số tiền 300 triệu đồng/huyện/năm; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh, số tiền 200 triệu đồng/huyện/năm.”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 4 như sau:

“b) Khôi xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã):

- Khoán quỹ tiền lương (đã bao gồm phụ cấp và các khoản đóng góp), quỹ tiền thưởng và chi thường xuyên đối với cán bộ, công chức cấp xã bình quân là 131 triệu đồng/biên chế/năm;

- Khoán quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phần ngân sách Nhà nước đảm bảo để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động





không chuyên trách ở cấp xã theo quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn, như sau:

- + Loại 1: Khoản quỹ phụ cấp bằng 25,48 lần mức lương cơ sở;
- + Loại 2: Khoản quỹ phụ cấp bằng 21,84 lần mức lương cơ sở;
- + Loại 3: Khoản quỹ phụ cấp bằng 18,5 lần mức lương cơ sở.

Đối với đơn vị hành chính cấp xã có số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ thì tổng mức khoản quỹ phụ cấp được tính tăng thêm tương ứng bằng 1,82 lần mức lương cơ sở/01 người hoạt động không chuyên trách tăng thêm.

- Khoản kinh phí hoạt động cho 5 tổ chức chính trị - xã hội cấp xã cụ thể như sau: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 20 triệu đồng/tổ chức/năm; Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam: 17 triệu đồng/tổ chức/năm.

- Khoản quỹ phụ cấp chi trả hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, tổ dân phố, như sau:

Khoản quỹ phụ cấp bằng 4,5 lần mức lương cơ sở để chi trả hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, buôn, tổ dân phố. Riêng đối với thôn, buôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, buôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, buôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới được khoản quỹ phụ cấp bằng 6,0 lần mức lương cơ sở. Trường hợp thôn, buôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã thì được giữ mức khoản quỹ phụ cấp bằng 6,0 lần mức lương cơ sở.

- Mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, buôn, tổ dân phố như sau:

+ Đối với thôn, buôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, buôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, buôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới được hỗ trợ kinh phí chi trả cho người trực tiếp tham gia hoạt động là 52 triệu đồng/năm cho mỗi thôn, buôn, tổ dân phố.



+ Đối với thôn, buôn, tổ dân phố còn lại được hỗ trợ kinh phí chi trả cho người trực tiếp tham gia hoạt động là 37 triệu đồng/năm cho mỗi thôn, buôn, tổ dân phố.

- Các xã khu vực III được quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ được bổ sung thêm 60 triệu đồng/xã/năm.

- Bổ sung kinh phí thực hiện Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh; kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên cấp xã và hoạt động phí của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; kinh phí thực hiện một số chế độ chính sách do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành như: Cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em; đội công tác xã hội tình nguyện; phụ cấp cán bộ khuyến nông; phụ cấp cán bộ thú y; trung tâm học tập cộng đồng.

- Hỗ trợ kinh phí chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương về chế độ hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở, số tiền 60 triệu đồng/xã/năm; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh, số tiền 50 triệu đồng/xã/năm; kinh phí phục vụ công tác phát động quần chúng tại ở cơ sở, số tiền 40 triệu đồng/xã/năm; hỗ trợ 30 triệu đồng/xã/năm cho Hội có tính chất đặc thù theo Nghị quyết số 57/2012/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Hỗ trợ thêm kinh phí cho các xã biên giới 350 triệu đồng/xã/năm.

- Hỗ trợ 20 triệu đồng/xã/năm để chi hỗ trợ cán bộ, công chức là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã theo Nghị quyết số 115/2014/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh; bồi dưỡng khi làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân theo Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh; thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở theo Nghị quyết số 142/2014/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh."

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 4 cụ thể như sau:

a) Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất điểm b khoản 7 Điều 4 như sau:



“- Bổ sung kinh phí chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của HĐND tỉnh sửa đổi khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2020 quy định mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.”

b) Sửa đổi nội dung cuối khoản 7 Điều 4 như sau:

“Định mức phân bổ cho ngân sách huyện và xã trên đã bao gồm lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng cho cán bộ xã, phường, thị trấn; kinh phí hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy tại nhà theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.”

8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 8 Điều 4 như sau:

“b) Khối xã: Bình quân 360 triệu đồng/xã/năm.

- Phân bổ thêm cho xã biên giới 300 triệu đồng/xã/năm;

- Bổ sung kinh phí phụ cấp hằng tháng của thôn đội trưởng theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Định mức phân bổ cho ngân sách huyện và xã trên đã đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng của ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng; các chế độ, chính sách theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ.”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 9 Điều 4 như sau:

“b) Khối xã: Bình quân 125 triệu đồng/xã/năm.

- Phân bổ thêm cho xã biên giới 250 triệu đồng/xã/năm.

- Bổ sung kinh phí phụ cấp cho lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Bổ sung kinh phí phụ cấp Công an xã bán chuyên trách theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; kinh phí hỗ trợ đội trưởng, đội phó Đội dân phòng và phương tiện phòng cháy chữa

cháy theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Định mức phân bổ cho ngân sách huyện và xã trên đã đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ an ninh của ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực an ninh; kinh phí hỗ trợ cho Công an xã.”

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2023, được áp dụng từ năm ngân sách 2024./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UB MTTQ VN tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND;
- Văn phòng ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Đắk Lắk,
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Thị Chiến Hòa**